

Bản án số: 47/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/09/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thị Mỹ H**, năm sinh: 1997; Địa chỉ: Tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H: Bà Trần Thị H – Luật sư của Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi;

2. *Bị đơn:* **Anh Lê Văn T**, năm sinh: 1991; Địa chỉ: Tổ 2, phường N thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị H, bà H có mặt tại phiên tòa; anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị Mỹ H là nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên rượu chè, cờ bạc rồi về nhà đánh đập vợ con. Vì thương

con và hi vọng anh T sẽ thay đổi nên chị đã cố gắng tiếp tục chung sống nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị đã về cha mẹ đẻ ở từ đầu năm 2019 cho đến nay. Cuộc sống của anh chị hiện nay không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, phần ai nấy sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phi L, sinh ngày 08/02/2016 (hiện cháu L đang sống cùng chị). Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu 18 tuổi. Nay anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu 18 tuổi thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

** Tại bản tự khai ngày 25/8/2020, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Mỹ H chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống là do anh chị tự nguyện, không ai ép buộc. Chị H yêu cầu ly hôn anh, anh đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình, cứu vãn cuộc sống hôn nhân nhưng không có kết quả, nay chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị Lê Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phi L, sinh ngày 08/02/2016. Anh có quyền được thăm nom con mà không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật. Việc thăm nom con của anh đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật, không gây cản trở cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phi L, sinh ngày 08/02/2016 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H, không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T. Về con chung giao cháu Lê Phi L, sinh ngày 08/02/2016 cho chị Lê Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Chị H, anh T đều trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn anh Lê Văn T, có địa chỉ cư trú tại tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Lê Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T đều thừa nhận anh chị tổ chức đám cưới và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Quá trình chung sống, cuộc sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên chị H có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn T và anh T đồng ý với yêu cầu nêu trên của chị H. Xét, chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2015, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T, quan hệ vợ chồng của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.2] *Về con chung*: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T có 01 (một) con chung là Lê Phi L, sinh ngày 08/02/2016. Hiện nay, cháu L đang sống với mẹ. Khi ly hôn anh T và chị H thỏa thuận giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 29/9/2020. Xét thấy việc thỏa thuận của anh T và chị H về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T đều trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 54, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T.

2/ Giao cháu Lê Phi L, sinh ngày 08/02/2016 (Hiện nay, cháu L đang sống với mẹ) cho chị Lê Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 29/9/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không giải quyết.

4/ Chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Văn T trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

5/Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0005192 ngày 21-8-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND phường Nghĩa Lộ;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

